

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-ST

Ngày: 23-12-2021

V/v tranh hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân

2. Ông Nguyễn Văn Cao

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-DS ngày 13/01/2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1973 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1962 (theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020, có mặt);

Nơi cư trú: Số 28, Đường Nguyễn Văn S, Khu phố 3, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:*

2.1. Bà Phạm Thị Nh1, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1A, xã An Th, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2.2. Ông Hồ Minh K1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 9/1, Quốc lộ 1, Khu phố 7, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Bích D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà D1 và bà Phạm Thị Nh1 có quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội, ông Hồ Minh K1 là chồng của bà Nh1. Ngày 15/10/2017, bà D1 cho bà Nh1 vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày 15/10/2017 đến ngày 15/11/2017, các bên có viết giấy mượn tiền và bà Nh1 đã ký tên vào “bên mượn”, bà D1 đã giao đủ số tiền 50.000.000đồng cho bà Nh1 sau khi các bên ký tên vào giấy mượn tiền 15/10/2017. Hết thời hạn thỏa thuận, bà D1 đến nhà để yêu cầu bà Nh1 trả tiền nhưng bà Nh1 cố tình lẩn tránh nên bà D1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Nh1 và ông Hồ Minh K1 liên đới trả cho bà D1 số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng, bà D1 không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Tại phiên tòa, bà D1 bổ sung, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà D1 chỉ yêu cầu cá nhân bà Nh1 phải trả cho bà D1 số tiền 50.000.000đồng, không yêu cầu chồng bà Nh1 là ông K1 cùng liên đới trả cho bà D1 số tiền này.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Nh1, ông Hồ Minh K1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1. Tuy nhiên, bị đơn bà Nh1, ông K1 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà D1 khởi kiện yêu cầu bà Nh1, ông K1 liên đới thanh toán cho bà D1 số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Chứng cứ bà D1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà D1 là giấy vay tiền ngày 15/10/2017 có chữ ký của bà Nh1. Theo nội dung giấy vay tiền ngày 15/10/2017 thể hiện: “bà D1 cho bà Nh1 vay số tiền 50.000.000đồng; sau khi các bên ký tên vào hợp đồng, bà D1 đã giao cho bà Nh1 số tiền 50.000.000đồng; thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 15/10/2017 đến ngày 15/11/2017”. Hết thời hạn các bên thỏa thuận, bà Nh1 chưa trả cho bà D1 số tiền nợ gốc 50.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng. Theo kết luận giám định số: 582/2021/KLGĐ ngày 04/8/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Long An kết luận chữ ký, chữ viết mang tên “Phạm Thị Nh1” trong giấy mượn tiền ngày 15/10/2017 và chữ ký, chữ viết mang tên “Phạm Thị Nh1” tài

liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Từ những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 về việc yêu cầu bà Nh1 thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà D đại diện bà D1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới, theo đó bà D1 chỉ yêu cầu cá nhân bà Nh1 trả số tiền 50.000.000đồng mà không yêu cầu chồng bà Nh1 là ông K1 cùng liên đới trả cho bà D1 số tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà D1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà D1.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 về việc yêu cầu bà Nh1 có nghĩa vụ trả cho bà D1 số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà D1 về việc yêu cầu ông K1 cùng liên đới với bà Nh1 trả cho bà D1 số tiền 50.000.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

[1] Về phạm vi khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Nh1 và ông Hồ Minh K1 liên đới trả cho bà D1 số tiền nợ gốc 50.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/10/2017. Quá trình giải quyết vụ án, bà D1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới, theo đó bà D1 chỉ yêu cầu cá nhân bà Nh1 trả số tiền 50.000.000đồng mà không yêu cầu chồng bà Nh1 là ông K1 cùng liên đới trả cho bà D1 số tiền này. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà D1 không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của bà D1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị D1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Nh1 và ông Hồ Minh K1 liên đới thanh toán cho bà D1 khoản nợ theo hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà D1 và bà Nh1. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Phạm Thị Nh1 và ông Hồ Minh K1 có nơi cư trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Phạm Thị Nh1 và ông Hồ Minh K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh1, ông K1.

[5] Xét về nội dung tranh chấp:

[5.1] Xét hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản ngày 15/10/2017 được xác lập giữa bà D1 với bà Nh1 trên cơ sở tự nguyện, không trái

đạo đức xã hội; có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[5.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D1 thấy rằng:

[5.2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc: Bà D1 khởi kiện yêu cầu bà Nh1, ông K1 liên đới thanh toán cho bà D1 số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Chứng cứ bà D1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà D1 là giấy vay tiền ngày 15/10/2017 có chữ ký của bà Nh1. Theo nội dung giấy vay tiền ngày 15/10/2017 thể hiện: “bà D1 cho bà Nh1 vay số tiền 50.000.000đồng; sau khi các bên ký tên vào hợp đồng, bà D1 đã giao cho bà Nh1 số tiền 50.000.000đồng; thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 15/10/2017 đến ngày 15/11/2017”. Hết thời hạn các bên thỏa thuận, bà Nh1 chưa trả cho bà D1 số tiền nợ gốc 50.000.000đồng là vi phạm nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh1 và ông K1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà Nh1 và ông K1 đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của bà Nh1 và ông K1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà D1 nhưng bà Nh1 và ông K1 có tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, đây là lỗi của bà Nh1 và ông K1 tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Theo kết luận giám định số: 582/2021/KLGĐ ngày 04/8/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Long An kết luận chữ ký, chữ viết mang tên “Phạm Thị Nh1” trong giấy mượn tiền ngày 15/10/2017 và chữ ký, chữ viết mang tên “Phạm Thị Nh1” tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Từ những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 về việc yêu cầu bà Nh1 thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đồng.

[5.2.2] Xét yêu cầu liên đới thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà D1 yêu cầu bà Nh1 và ông K1 liên đới trả số tiền nợ gốc 50.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà D đại diện cho bà D1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới, theo đó bà D1 chỉ yêu cầu cá nhân bà Nh1 trả số tiền 50.000.000đồng mà không yêu cầu chồng bà Nh1 là ông K1 cùng liên đới trả cho bà D1 số tiền này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà D1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà D1.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1 về việc yêu cầu bà Nh1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà D1 số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà D1 về việc yêu cầu ông K1 cùng liên đới với bà Nh1 trả cho bà D1 số tiền 50.000.000đồng.

[5.2.3] Xét về tiền nợ lãi: theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về chi phí giám định: Bà Phạm Thị Nh1 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị D1 đã nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết với số tiền 5.800.000đồng. Do đó, bà Phạm Thị Nh1 phải nộp lại số tiền này để trả lại cho bà Nguyễn Thị D1.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phạm Thị Nh1.

1. Buộc bà Phạm Thị Nh1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D1 về việc yêu cầu ông Hồ Minh K1 cùng liên đới với bà Phạm Thị Nh1 trả cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 50.000.000đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Phạm Thị Nh1 phải nộp số tiền 5.800.000đồng (năm triệu, tám trăm nghìn đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị D1.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh1 phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 số tiền 1.606.000đồng tạm ứng án phí bà D1 đã nộp theo biên lai thu số 000.2761 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Đông**